TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Hồ Quang Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Hằng N** – sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Phù Văn T** – sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, chị N có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và tại phiên tòa chị Phạm Hằng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Phạm Như Ý, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Phù Ngọc G, sinh ngày 25/01/2017. Hiện hai cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu anh được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thõa thuận với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 19/7/2019, anh Phù Văn T xác định:

Về hôn nhân: Anh và chị N kết hôn năm 2017, hôn nhân do anh tự nguyên không ép buộc, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Phạm Như Ý, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Phù Ngọc G, sinh ngày 25/01/2017. Hiện hai cháu đang sống với chị N, anh đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, anh yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thõa thuận với nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

Bị đơn anh Phù Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp Phạm Kiệt, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Hằng N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phù Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị N là người khởi kiện anh T là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh T là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T yêu cầu được xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 03/7/2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đồng ý với yêu cầu của chị N. Tại phiên tòa, chị N xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh T. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 2 người con chung là cháu Phạm Như Ý, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Phù Ngọc G, sinh ngày 25/01/2017. Các cháu hiện đang sống cùng với chị N. Chị N và anh T thống nhất giao cháu Ý và cháu Giàu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ý và cháu Giàu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T xác định tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí*:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hằng N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Phù Văn T.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Hằng N được ly hôn với anh Phù Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Như Ý, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Phù Ngọc G, sinh ngày 25/01/2017 cho chị Phạm Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phù Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Phù Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Hằng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003156 ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Phạm Hằng N không phải nộp tiếp.

Chị Phạm Hằng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phù Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp